KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC PHẦN THVP
KỲ THI THÁNG 04/2015

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
1	Nguyễn Hạnh	An	Ninh Thuận	22/03/94	6.4	6.4	2.0	4.9	Không đạt
2	Nguyễn Thúy	An	Đồng Tháp	19/07/93	8.3	9.8	7.0	8.3	Đạt
3	Trần Thế	An	Cà Mau	/ /92	7.6	8.5	0.5	5.5	Không đạt
4	Nguyễn Thị Thúy	An		13/09/94	4.3	5.5	0.5	3.4	Không đạt
5	Nguyễn Thị Thúy	An	Tiền Giang	04/01/94	7.3	3.9	4.0	5.0	Đạt
6	Võ Thị Thúy	An	Bình Định	16/06/93	0.5	2.8	0.5	1.3	Không đạt
7	Đoàn Hoàng	An	TP. Hồ Chí Minh	02/10/94	8.5	5.6	2.0	5.4	Không đạt
8	Đỗ Hoài	Anh	Lâm Đồng	21/06/94	5.5	9.5	6.0	7.0	Đạt
9	Đặng Thị Ngọc	Anh	Hòa Bình	15/08/93	7.0	9.4	8.0	8.1	Đạt
10	Trần Vân	Anh	TPHCM	01/11/94	9.0	8.8	8.0	8.6	Đạt
11	Trần Thụy Vân	Anh		19/03/91	7.3	8.6	7.0	7.6	Đạt
12	Nguyễn Quốc	Anh		10/11/94	8.9	5.0	5.0	6.3	Đạt
13	Hoàng Quỳnh	Anh	Hải Dương	04/01/94	5.0	4.8	3.5	4.4	Không đạt
14	Hoàng Tiến	Anh	Hà Tĩnh	16/05/93	2.0	5.8	0.5	2.8	Không đạt
15	Võ Thị Ngọc	Anh	Đồng Nai	06/12/93	6.4	6.3	3.5	5.4	Đạt
16	Huỳnh	Anh	TP.HCM	27/09/94	8.5	9.3	10.0	9.3	Đạt
17	Phạm Tuấn	Anh	Tiền Giang	10/09/93	8.8	9.3	7.5	8.5	Đạt
18	Phan Thị Ngọc	Anh	An Giang	19/02/94	8.3	8.8	4.0	7.0	Đạt
19	Hồ Thị	ánh		11/04/94	5.0	9.3	9.0	7.8	Đạt
20	Trần Lưu Ngọc	ánh	Đồng Nai	25/04/94	8.9	9.5	9.0	9.1	Đạt
21	Hà Thị	ánh	Thanh Hoá	24/07/94	8.3	7.8	3.0	6.3	Đạt
22	Hồ Thị Ngọc	ánh	Long An	26/03/93	2.0	6.6	4.0	4.2	Không đạt
23	Đặng Thị Nguyệt	ánh	Đak Lak	15/05/93	5.3	8.8	5.0	6.3	Đạt
24	Trần Đức	Bảo	Khánh hòa	17/01/94	8.0	8.5	9.0	8.5	Đạt
25	A Duy	Bảo	Kon Tum	11/05/91	8.9	9.0	4.1	7.3	Đạt
26	Phạm Thái	Bảo	Hà Tĩnh	01/05/90	8.9	8.8	3.6	7.1	Đạt
27	Đoàn Đắc	Bảo	Đăk Lăk	04/05/93	9.0	8.0	3.0	6.7	Đạt
28	Trần Thị Kim	Bích	Bình Phước	27/11/93	4.8	3.8	3.0	3.8	Không đạt
29	Nguyễn Thị	Bích		01/03/93	4.9	6.9	6.0	5.9	Đạt
30	Nguyễn Huy	Bình	TP. Hồ Chí Minh	18/04/94	8.3	6.3	2.0	5.5	Không đạt
31	Nguyễn Bảo Y	Bình		28/05/94	9.5	9.8	7.0	8.8	Đạt
32	Nguyễn Thị	Bừng		14/01/94	8.0	3.1	4.5	5.2	Đạt
33	Huỳnh Thị Mộng	Cầm		18/03/94	9.8	7.5	5.5	7.6	Đạt
34	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	Tây Ninh	10/10/93	8.0	7.0	3.0	6.0	Đạt
35	Lê Thị Duyên	Châu		01/04/94	9.0	8.8	8.0	8.6	Đạt
36	Vương Thị Minh	Châu	TP HCM	22/02/93	8.3	9.3	7.0	8.2	Đạt
37	Phan Thị	Châu		06/02/93	6.4	4.5	8.0	6.3	Đạt
38	Trần Mai	Chi	Bình Định	08/01/93	8.0	7.0	1.5	5.5	Không đạt
39	Đào Bích	Chi	Bình Định	09/04/94	6.8	9.3	6.5	7.5	Đạt
40	Hồ Mỹ	Chi		15/10/94	4.0	8.1	5.5	5.9	Đạt
41	Văn Thị Lệ	Chi	Gia Lai	01/01/94	9.5	9.4	7.5	8.8	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
42	Cún Chạc	Chiến	Đồng Nai	05/03/93	9.0	9.4	6.5	8.3	Đạt
43	Nguyễn Hữu	Chiến	Đồng Nai	18/01/94	5.9	8.8	5.5	6.7	Đạt
44	Ngô Văn	Chương	Cà Mau	20/09/94	8.3	9.3	6.0	7.8	Đạt
45	Phạm Thị	Chung		30/09/93	3.0	6.4	5.6	5.0	Đạt
46	Đào Thị Thanh	Chung		14/01/92	6.9	7.5	3.0	5.8	Đạt
47	Võ Thành	Công		01/04/94	8.3	8.3	5.0	7.2	Đạt
48	Nguyễn Văn	Công	Lâm Đồng	24/12/93	8.3	8.5	5.5	7.4	Đạt
49	Nguyễn Văn	Cương		28/08/94	8.0	8.8	4.0	6.9	Đạt
50	Lê Tấn	Cường	Đăk Lăk	02/08/94	8.3	8.4	7.0	7.9	Đạt
51	Nguyễn Hùng	Cường		20/06/94	8.5	6.8	4.0	6.4	Đạt
52	Bùi Văn	Cường	Bình Định	03/09/93	7.8	6.0	2.1	5.3	Không đạt
53	Lê Tiến	Dâng	Hà Tĩnh	20/12/90	8.3	6.5	4.6	6.5	Đạt
54	Nguyễn Vương	Danh	TP Hồ Chí Minh	04/07/93	10.0	9.8	9.0	9.6	Đạt
55	Trần Anh	Danh	Quảng Ngãi	09/09/93	8.9	8.4	1.0	6.1	Không đạt
56	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Quảng Ngãi	25/08/94	5.8	5.6	1.0	4.1	Không đạt
57	Võ Thanh	Diễm	TP. Hồ Chí Minh	21/07/93	5.5	7.5	3.0	5.3	Đạt
58	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	Bình Thuận	24/06/94	2.3	6.0	1.1	3.1	Không đạt
59	Huỳnh Ngọc	Diễm	Tiền Giang	94/ /	8.3	8.8	3.0	6.7	Đạt
60	Mai Thị	Diễm	Bỉnh Định	30/07/94	7.0	9.0	4.0	6.7	Đạt
61	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	QUảng Ngãi	09/12/93	8.9	6.3	6.0	7.0	Đạt
62	Nguyễn Thị	Diệu		09/01/93	6.3	5.8	1.6	4.5	Không đạt
63	Phạm Thị Dung	Dinh	Kiên Giang	02/11/94	3.0	8.8	3.0	4.9	Không đạt
64	Nguyễn Thị	Dinh	Bắc Ninh	01/07/93	8.3	7.8	3.0	6.3	Đạt
65	Trần Thị Thùy	Dương	Bến Tre	20/04/93	8.3	6.6	8.5	7.8	Đạt
66	Đỗ Tấn	Dương	An Giang	20/01/92	4.3	9.3	8.0	7.2	Đạt
67	Nguyễn Thùy	Dương		04/11/92	7.0	8.8	2.0	5.9	Không đạt
68	Tải Thái Bình	Dương	Trà Vinh	09/04/93	3.6	6.4	5.0	5.0	Đạt
69	Bùi Thị	Dung	Gia lai	15/09/93	6.0	7.3	3.0	5.4	Đạt
70	Hồ Thị Phương	Dung	TP. Hồ Chí Minh	03/07/93	9.0	5.4	4.0	6.1	Đạt
71	Huỳnh Thị Phương	Dung	Đồng Tháp	11/09/94	8.3	7.6	3.5	6.5	Đạt
72	Hồ Thị	Dung	Quảng Nam	06/01/93	8.0	8.3	5.0	7.1	Đạt
73	Phạm Nguyễn Cẩm	Dung	Tiền Giang	27/08/94	8.3	8.8	5.0	7.3	Đạt
74	Lương Trung	Dũng		13/06/93	8.9	8.4	1.0	6.1	Không đạt
75	Huỳnh Tuấn	Dũng		16/01/94	9.0	9.9	9.0	9.3	Đạt
76	Vũ Tiến	Dũng	Lâm Đồng	22/08/94	4.8	7.5	3.0	5.1	Đạt
77	Lê Văn	Dũng	Thanh Hóa	29/05/93	8.3	6.3	0.0	4.8	Không đạt
78	Đặng Bá	Duy	Bình Dương	25/10/94	8.3	9.3	9.0	8.8	Đạt
79	Trần Bình	Duy		15/11/91	8.3	6.8	7.0	7.3	Đạt
80	Nguyễn Lê Anh	Duy		15/06/94	9.5	9.0	8.5	9.0	Đạt
81	Trần Hữu	Duy	TPHCM	08/11/92	9.3	9.4	3.1	7.3	Đạt
82	Trần Đình Thế	Duy	Tiền Giang	30/10/93	8.5	8.4	6.5	7.8	Đạt
83	Vũ Thị	Duyên	Hà Tây	01/07/94	8.5	9.0	5.0	7.5	Đạt
84	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Lâm Đồng	01/03/94	8.9	9.8	7.5	8.7	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
85	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Tây Ninh	24/01/93	8.5	8.0	6.5	7.7	Đạt
86	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Vĩnh Long	20/08/94	9.5	7.8	6.5	7.9	Đạt
87	Vũ Thị Thùy	Duyên	Cần Thơ	26/02/93	8.0	5.8	0.8	4.8	Không đạt
88	Phạm Thúy	Duyên	Đồng Tháp	11/02/94	8.3	7.8	7.5	7.8	Đạt
89	Nguyễn Mỹ	Duyên		26/02/94	8.3	7.3	4.5	6.7	Đạt
90	Trần Ngọc	Duyên	Quảng Trị	16/11/91	2.0	7.5	0.6	3.4	Không đạt
91	Lê Thị Ngọc	Duyên	Đồng Nai	17/01/93	8.9	7.6	7.0	7.8	Đạt
92	Trần Thị Mỹ	Duyên		17/08/94	8.3	8.0	9.5	8.6	Đạt
93	Nguyễn Văn Điền	Em	Bến Tre	14/07/93	8.3	7.3	7.0	7.5	Đạt
94	Nguyễn Hoàng Tuấn	Em	Bến Tre	01/11/93	9.0	9.8	4.1	7.6	Đạt
95	Võ Hoàng	Giang	Bến Tre	02/04/93	9.0	7.0	6.0	7.3	Đạt
96	Đoàn Kiều	Giang	Quảng Bình	26/04/94	9.5	7.0	3.1	6.5	Đạt
97	Trần Vũ Ngân	Giang	TP. Hồ Chí Minh	30/03/93	9.3	7.9	4.6	7.3	Đạt
98	Trần Thanh	Giang	Đồng Nai	/ /92	8.0	6.8	5.5	6.8	Đạt
99	Nguyễn Hoàng	Giang		24/10/91	8.9	5.5	0.6	5.0	Không đạt
100	Vương Trường	Giang	Bến Tre	26/01/93	7.0	8.3	0.6	5.3	Không đạt
101	Nguyễn Thị Trường	Giang	02/06/94		9.0	7.3	7.0	7.8	Đạt
102	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TIền Giang	28/11/93	8.0	7.0	9.0	8.0	Đạt
103	Nguyễn Thị Huyên	Hân		09/09/94	8.9	6.4	4.0	6.4	Đạt
104	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hân	TP.HCM	22/09/93	4.0	5.5	0.0	3.2	Không đạt
105	Phạm Hoài	Hận	Bến Tre	30/06/95	10.0	8.8	6.5	8.4	Đạt
106	Trần Xuân	Hậu	Bình Định	01/11/93	8.9	8.0	4.6	7.2	Đạt
107	Hồ Thị	Hậu	Quảng Nam	13/04/93	8.3	8.5	6.5	7.8	Đạt
108	Đỗ Thị	Hậu		09/09/94	8.9	6.3	10.0	8.4	Đạt
109	Nguyễn Phúc	Hậu	Đồng Nai	28/08/94	6.0	7.8	8.0	7.3	Đạt
110	Nguyễn Minh	Hậu	Bình D(ịnh	29/12/93	8.8	5.4	1.0	5.0	Không đạt
111	Từ Thị Mỹ	Hằng	Quảng Ngãi	07/07/92	4.9	8.3	3.0	5.4	Đạt
112	Hà Thị Cẩm	Hằng	Đồng Nai	06/08/94	9.5	9.3	7.5	8.8	Đạt
113	Trần Thị Thúy	Hằng		19/07/94	7.0	6.3	2.0	5.1	Không đạt
114	Lê Thị	Hằng		02/08/94	5.5	7.0	5.5	6.0	Đạt
115	Nguyễn Cẩm	Hằng	Bình Định	25/04/95	6.0	6.0	2.0	4.7	Không đạt
116	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Bình Định	01/12/93	8.3	3.9	4.0	5.4	Đạt
117	Mai Thị Kim	Hằng	Đồng Nai	26/04/94	8.5	7.8	7.5	7.9	Đạt
118	Phạm Thị Mỹ	Hạnh		10/12/94	9.5	9.8	10.0	9.8	Đạt
119	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Phú Yên	15/10/93	7.4	8.8	7.5	7.9	Đạt
120	Nghiêm Thị	Hạnh	Sông Bé	07/07/93	9.0	6.8	6.9	7.5	Đạt
121	Trương Thị	Hạnh		29/11/94	4.3	4.6	2.0	3.6	Không đạt
122	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Lâm Đồng	30/11/94	3.3	8.4	2.0	4.5	Không đạt
123	Trần Thanh	Hà	Đồng nai	24/12/93	9.8	9.5	4.0	7.8	Đạt
124	Chu Thúy	Hà		04/01/94	7.3	8.0	5.5	6.9	Đạt
125	Phạm Thị Thu	Hà	Quảng Nam	18/05/94	10.0	7.6	7.0	8.2	Đạt
126	Nguyễn Thị	Hà	Hà Tĩnh	18/04/94	9.0	6.5	4.0	6.5	Đạt
127	Nguyễn Thị Lệ	Hà	Bình Thuận	26/06/93	8.3	2.3	1.0	3.8	Không đạt
128	Nguyễn Bá Sơn	Hà	khánh hòa	02/09/93	4.9	6.5	8.0	6.5	Đạt
129	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Bình Thuận	15/08/94	10.0	7.0	4.0	7.0	Đạt
130	Thân Thị Hồng	Hải	Bắc Giang	12/11/90	7.3	6.6	1.1	5.0	Không đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
131	Phạm Thị	Hảo		28/12/94	9.5	9.3	10.0	9.6	Đạt
132	Hồ Thị	Hảo	Quảng Ngãi	08/06/93	7.8	7.5	2.0	5.8	Không đạt
133	Nguyễn Thị Thanh	Hảo		27/07/93	8.5	5.4	3.0	5.6	Đạt
134	Trần Quỳnh	Hêli	Phú Yên	10/01/94	4.3	8.5	9.0	7.3	Đạt
135	Bùi Thị	Hiền		16/01/93	4.5	5.9	3.0	4.5	Không đạt
136	Nguyễn Thị	Hiền	Nghệ An	25/04/93	5.4	6.0	4.0	5.1	Đạt
137	Hồ Thị	Hiền	QUảng Ngãi	06/12/94	0.0	0.0	1.0	0.3	Không đạt
138	Lê Thị	Hiền	Hà Tĩnh	18/02/94	4.3	8.8	9.5	7.5	Đạt
139	Trần Thị	Hiền	Bình Định	12/06/93	6.3	8.3	2.0	5.5	Không đạt
140	Mai Thị	Hiền		11/04/93	7.3	3.4	2.0	4.2	Không đạt
141	Trần Thị	Hiền		06/02/93	8.0	6.5	6.5	7.0	Đạt
142	Phan Thanh	Hiền	Long An	19/01/92	2.0	6.9	3.0	4.0	Không đạt
143	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền		26/05/91	8.3	7.4	6.0	7.2	Đạt
144	Hồ Văn	Hiển		10/06/93	9.5	7.6	5.5	7.5	Đạt
145	Nguyễn Huy	Hiệp	Đồng Nai	06/01/94	9.8	9.3	10.0	9.7	Đạt
146	Võ Đức	Hiệp	Quảng Ngãi	10/03/92	2.0	1.0	1.0	1.3	Không đạt
147	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp		10/10/94	8.9	7.4	7.0	7.8	Đạt
148	Phạm Chí	Hiếu	Đồng Nai	16/04/94	4.3	9.0	8.5	7.3	Đạt
149	Lê Quang	Hiếu	Nam Hà	20/09/93	8.3	7.6	6.0	7.3	Đạt
150	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	TP. Hồ Chí Minh	27/07/93	9.0	9.4	7.0	8.5	Đạt
151	Lê Công	Hiếu	Tiền Giang	19/03/94	9.5	7.5	9.0	8.7	Đạt
152	Nguyễn Thị	Hoa	Lâm Đồng	15/07/93	8.3	8.3	6.0	7.5	Đạt
153	Phan Thị Bích	Hoa	Bình Định	02/01/94	5.5	5.6	1.0	4.0	Không đạt
154	Ung Minh	Hoan	Phú Yên	05/08/93	8.3	8.1	7.5	8.0	Đạt
155	Nguyễn Thị	Hoang	Bình Định	29/09/94	7.0	8.3	3.0	6.1	Đạt
156	Ngô Thị Kim	Hồng	Vũng Tàu	14/02/94	9.3	8.0	9.5	8.9	Đạt
157	Nguyễn Thị Thu	Hồng		06/08/94	8.9	8.4	7.0	8.1	Đạt
158	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Đồng nai	08/10/93	7.4	4.9	0.5	4.3	Không đạt
159	Nguyễn Thị	Hoài	Quảng Trị	24/04/93	7.0	6.5	1.5	5.0	Không đạt
160	Lê Văn	Hoàng	Quảng Ngãi	10/03/93	8.0	5.6	7.0	6.9	Đạt
161	Nguyễn Thanh	Hoàng		27/07/93	2.3	4.8	0.5	2.5	Không đạt
162	Mai Huy	Hoàng		20/12/93	8.3	6.3	3.0	5.8	Đạt
163	Phạm Quốc	Hoàng		03/05/94	8.3	8.8	8.0	8.3	Đạt
164	Lê Đăng	Hoàng	Thanh Hóa	08/08/93	8.3	8.4	6.0	7.5	Đạt
165	Lê Xuân	Hợp		10/12/93	8.3	7.5	4.0	6.6	Đạt
166	Nguyễn Thanh	Hưng	Phú Yên	19/02/94	4.3	8.0	9.0	7.1	Đạt
167	Đặng Minh	Hòa	Long An	13/01/93	8.5	8.0	1.5	6.0	Không đạt
168	Nguyễn Thị	Hòa		27/06/93	8.3	6.1	3.0	5.8	Đạt
169	Nguyễn Văn	Hòa	Bình Thuận	10/09/93	4.0	9.0	5.5	6.2	Đạt
170	Nguyễn Thị Thu	Hương	Tiền Giang	07/05/94	4.5	8.1	8.5	7.0	Đạt
171	Nguyễn Thị	Hương		14/09/96	5.5	6.8	9.5	7.3	Đạt
172	Phạm Thị Mai Thanh	Hương	Hải Phòng	05/11/94	4.9	5.4	5.5	5.3	Đạt
173	Trần Thị	Hương	Thanh Hóa	07/02/93	2.0	4.0	6.0	4.0	Không đạt
174	Vũ Thị Thu	Hương	BR Vũng Tàu	01/04/92	3.0	7.8	5.5	5.4	Đạt
175	Lê Thị	Hương	Quảng Ngãi	25/05/94	8.5	8.1	7.0	7.9	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
176	Nguyễn Thị Quý	Hương		05/01/93	8.0	7.8	5.0	6.9	Đạt
177	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Vĩnh Long	02/01/92	7.5	8.9	7.5	8.0	Đạt
178	Hoàng Thị Diễm	Hương	Lâm Đồng	02/05/93	3.8	5.5	8.0	5.8	Đạt
179	Trần Hà	Hương	Bình Định	15/12/94	8.3	5.3	4.0	5.8	Đạt
180	Luyện Thị	Hương	Nghệ An	09/11/93	8.0	5.5	5.0	6.2	Đạt
181	Lê Thị Diễm	Hương		26/12/94	9.5	9.3	10.0	9.6	Đạt
182	Lê Thị Khánh	Hương		20/08/94	8.9	8.3	7.0	8.0	Đạt
183	Trần Thị	Hương		20/04/94	8.3	4.0	3.5	5.3	Đạt
184	Huỳnh Thị	Hường	Bình Định	20/10/93	8.3	6.1	9.5	8.0	Đạt
185	Phạm Thị Thu	Hường	Kiên Giang	07/05/94	8.0	8.8	8.0	8.3	Đạt
186	Ngô Trí	Hữu	Bình Định	07/05/92	8.9	9.8	10.0	9.5	Đạt
187	Triệu Phú	Hữu		02/10/93	9.0	8.6	1.0	6.2	Không đạt
188	Trần Ngọc	Hướng		01/02/88	8.9	8.9	1.8	6.5	Không đạt
189	Lường Văn	Hưởng		10/09/93	9.8	8.4	5.5	7.9	Đạt
190	Thiên Sanh	Huấn	Ninh Thuận	27/10/93	7.3	5.4	2.0	4.9	Không đạt
191	Ong Tố	Huệ	Bạc Liêu	02/08/93	8.0	7.0	1.0	5.3	Không đạt
192	Hoàng Thị	Huệ	Hà Tỉnh	07/10/93	9.5	7.6	3.0	6.7	Đạt
193	Hoàng Thị Kim	Huệ	Bà Rịa - Vũng Tàu	22/11/92	2.3	5.6	1.0	3.0	Không đạt
194	Nguyễn Tiến	Hùng		03/01/93	8.9	4.6	5.5	6.3	Đạt
195	Nguyễn Quốc	Hùng		02/10/93	8.3	7.1	1.6	5.7	Không đạt
196	Hoàng	Huy	Bà rịa Vũng tàu	20/08/94	8.3	5.1	1.0	4.8	Không đạt
197	Nguyễn Đắc	Huy	Bình Thuận	13/06/93	2.0	5.6	5.0	4.2	Không đạt
198	Nguyễn Quang	Huy	Bình Định	19/05/94	8.3	8.3	1.5	6.0	Không đạt
199	Nguyễn Duy	Huy		25/04/93	8.5	6.1	1.3	5.3	Không đạt
200	Phạm Đức	Huy	Bến Tre	15/01/94	3.5	5.4	3.0	4.0	Không đạt
201	Võ Ngọc	Huy	Phú Yên	27/09/93	5.0	4.4	4.5	4.6	Không đạt
202	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	An Giang	28/06/93	7.3	8.6	8.0	8.0	Đạt
203	Vũ Thị	Huyền		06/02/93	6.0	7.3	3.5	5.6	Đạt
204	Phan Thị	Huyền		23/01/92	2.0	4.6	1.0	2.5	Không đạt
205	Đặng Thị Thu	Huyền	Khánh Hoà	28/10/94	6.3	6.1	8.0	6.8	Đạt
206	Phạm Thị	Huyền	Đồng Nai	02/11/93	9.3	8.8	3.0	7.0	Đạt
207	Phạm Thị Khánh	Huyền	Bình Định	04/11/94	7.0	7.4	4.0	6.1	Đạt
208	Ngô Mai	Kha	Sông Bé	07/05/94	9.5	8.4	5.0	7.6	Đạt
209	Lý Minh	Kha	Bạc Liêu	16/07/91	4.3	8.6	6.5	6.5	Đạt
210	Trần Thị Minh	Khang	Bình Dương	08/12/94	9.5	6.6	7.0	7.7	Đạt
211	Trần Đức	Khải	Bình Định	04/02/93	8.0	5.6	3.0	5.5	Đạt
212	Đỗ Đức	Khiêm	Đồng Nai	03/02/92	7.1	3.9	4.0	5.0	Đạt
213	Lê Cảnh Đăng	Khoa		18/09/91	4.4	7.8	3.0	5.0	Đạt
214	Nguyễn Trần Đăng	Khoa		13/11/94	8.9	8.1	7.5	8.2	Đạt
215	Trần Đăng	Khoa	Tây Ninh	22/12/94	8.9	8.3	7.0	8.0	Đạt
216	Huỳnh Ngọc Anh	Khoa		18/12/92	8.9	8.3	0.5	5.9	Không đạt
217	Nguyễn Trịnh Xuân	Khoa	TP Hồ Chí Minh	23/03/93	8.9	7.8	6.0	7.5	Đạt
218	Võ Duy	Khương	Bình Định	08/12/93	8.3	3.9	2.0	4.7	Không đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
219	Nguyễn Huỳnh	Khuyên		20/12/94	8.3	7.4	7.0	7.5	Đạt
220	Trịnh Đăng	Kiên	Thanh Hoá	17/12/93	2.0	3.3	3.0	2.8	Không đạt
221	Trần Trung	Kiên	Thanh Hóa	08/10/92	6.3	6.0	1.5	4.6	Không đạt
222	Lê Duy	Kiệt	Khánh Hòa	11/03/93	8.3	4.5	7.0	6.6	Đạt
223	Dương Thị Mỹ	Kiều		02/10/94	8.3	4.0	1.0	4.4	Không đạt
224	Đặng Thị ánh	Kiều	Phú Yên	08/07/93	10.0	7.1	7.0	8.0	Đạt
225	Lê Thị Mỹ	Kim	Đồng Tháp	20/08/94	8.0	5.8	5.5	6.4	Đạt
226	Huỳnh Thiên	Kim		11/04/94	8.3	8.1	8.0	8.1	Đạt
227	Nguyễn Thị Xuân	Lập		20/10/94	4.5	4.1	7.0	5.2	Đạt
228	Nguyễn Cao	Lầu	Đồng Tháp	20/03/93	8.0	7.0	3.0	6.0	Đạt
229	Huỳnh Thị Xuân	Lai	Quảng Ngãi	08/01/93	9.3	8.3	8.0	8.5	Đạt
230	Lương Thị Thanh	Lan	TP Hồ CHí Minh	02/01/92	8.3	7.4	5.0	6.9	Đạt
231	Nguyễn Thị	Lan		20/03/93	2.0	7.4	2.0	3.8	Không đạt
232	Nguyễn Thị Mỹ	Lang		05/08/91	2.3	7.6	3.0	4.3	Không đạt
233	Lưu Thị	Lành		05/01/93	6.0	8.5	6.5	7.0	Đạt
234	Hoàng Thị	Lành	Bình Phước	22/09/94	2.0	4.5	5.5	4.0	Không đạt
235	Diệp Ngọc	Lệ	TP Hồ Chí Minh	20/06/93	8.3	9.3	9.0	8.8	Đạt
236	Đặng Ngọc	Lệ	Kiên Giang	01/09/93	4.0	7.0	2.0	4.3	Không đạt
237	Nguyễn Thị	Lén	Gia Lai	16/12/92	8.3	5.1	1.0	4.8	Không đạt
238	Nguyễn Thị Kim	Liên	Hà Tĩnh	16/04/93	6.8	5.3	3.0	5.0	Đạt
239	Hoàng Thị	Liễu	ĐăkLăk	19/07/92	5.0	5.4	1.5	4.0	Không đạt
240	Đặng Chí	Lil			9.0	9.8	8.0	8.9	Đạt
241	Phạm Thị Thùy	Linh	Lâm Đồng	10/12/92	6.8	7.6	3.6	6.0	Đạt
242	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Bình Dương	25/12/93	8.3	8.4	5.0	7.2	Đạt
243	Võ Thị Mỹ	Linh	Phú Yên	15/07/92	8.0	8.5	3.0	6.5	Đạt
244	Lê Thị Thùy	Linh	Bình Định	20/11/94	8.0	7.8	6.5	7.4	Đạt
245	Đào Thị Thùy	Linh		23/09/94	2.3	4.4	1.6	2.8	Không đạt
246	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Tiền Giang	19/10/94	8.3	4.0	9.0	7.1	Đạt
247	Trần Thị	Linh		19/04/93	7.8	8.3	7.5	7.8	Đạt
248	Tô Thị Hồng	Linh	Hậu Giang	27/02/83	9.0	8.0	5.5	7.5	Đạt
249	Hồ Tài	Linh	Long An	12/06/93	4.3	8.8	9.0	7.3	Đạt
250	Nguyễn Trần Trúc	Linh		10/02/94	4.4	6.6	4.0	5.0	Đạt
251	Nguyễn Tấn	Linh		07/03/93	8.0	6.8	4.5	6.4	Đạt
252	Phạm Vũ	Linh	Tiền Giang	10/11/93	10.0	7.5	6.0	7.8	Đạt
253	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Kiên Giang	04/09/94	6.9	7.6	4.0	6.2	Đạt
254	Lê Văn Vũ	Linh	Long An	01/07/93	8.9	8.8	4.0	7.2	Đạt
255	Hồ Thùy	Linh	Hưng Yên	03/09/94	8.3	7.3	6.5	7.3	Đạt
256	Trần Thị Mai	Linh	Bình Phước	01/07/92	6.3	7.0	1.0	4.8	Không đạt
257	Triệu Thị Yến	Linh	Phú Yên	11/06/94	7.8	5.8	0.5	4.7	Không đạt
258	Nguyễn Thị	Lộc	Nghệ An	26/12/93	8.5	6.5	5.5	6.8	Đạt
259	Nguyễn Tấn	Lộc	Kiên Giang	12/01/94	8.4	7.9	8.0	8.1	Đạt
260	Vương Hữu Trường	Lộc		28/09/93	2.0	2.5	2.6	2.4	Không đạt
261	Đoàn Xuân	Lộc		02/02/94	8.3	7.3	6.5	7.3	Đạt
262	Nguyễn Thị Vĩnh	Lộc		20/08/93	8.3	7.6	4.4	6.8	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
263	Nguyễn Thị	Loan	Thanh Hoá	13/09/94	8.0	7.9	4.0	6.6	Đạt
264	Trần Cẩm	Loan	Khánh Hòa	26/03/93	8.3	7.8	6.3	7.4	Đạt
265	Phạm Thị Thanh	Loan		19/09/94	7.8	7.1	3.0	6.0	Đạt
266	Ngô Thị Phượng	Loan	Bình Dương	15/04/94	10.0	9.8	10.0	9.9	Đạt
267	Châu Tiến	Lực		28/04/94	7.4	7.3	3.0	5.9	Đạt
268	Phan Hữu	Lợi		10/10/93	7.0	9.0	7.0	7.7	Đạt
269	Đào Văn	Lợi	Bình Phước	20/06/93	8.3	7.8	9.0	8.3	Đạt
270	Nguyễn Xuân Thắng	Lợi	Long An	25/12/92	9.5	7.0	7.0	7.8	Đạt
271	Võ Thành	Long	Tp. HCM	04/09/92	8.0	8.8	5.5	7.4	Đạt
272	Trần Khắc	Lĩnh		21/04/93	7.3	8.0	7.4	7.5	Đạt
273	Nguyễn Thanh	Lương		02/01/94	8.3	6.4	5.5	6.7	Đạt
274	Phan Thị	Lương	Đak Lak	10/10/93	7.5	8.3	7.5	7.8	Đạt
275	Phạm Nhân	Luân	Bến Tre	02/11/92	8.3	6.8	1.0	5.3	Không đạt
276	Hoàng Thị	Lụa	Nam Định	12/08/93	4.3	5.1	10.0	6.5	Đạt
277	Nguyễn Thị	Luyến	Long An	24/09/93	6.4	7.8	7.0	7.0	Đạt
278	Phạm Lưu	Luyến	Long An	15/12/93	8.3	6.8	4.0	6.3	Đạt
279	Nguyễn Thị	Luyến	Bình Dương	20/02/93	7.0	7.8	5.4	6.7	Đạt
280	Võ Thị	Ly	Quảng Ngãi	16/02/94	4.3	3.8	4.0	4.0	Không đạt
281	Nguyễn Dạ	Lý	Đồng Tháp	08/05/94	8.3	7.5	7.5	7.8	Đạt
282	Lê Trần Thiên	Lý	Đồng Nai	24/11/94	8.3	10.0	10.0	9.4	Đạt
283	Lê Hương	Lý		09/09/94	10.0	9.8	9.0	9.6	Đạt
284	Đặng Thị Xuân	Mai	Bình Định	10/12/93	8.3	7.5	6.0	7.3	Đạt
285	Đặng Thị Ngọc	Mai	Bà Rịa-vũng Tàu	28/06/94	8.3	6.8	3.0	6.0	Đạt
286	Phạm Nguyễn	Mạnh		09/07/93	8.3	8.3	6.0	7.5	Đạt
287	Lê Thị Hoài	Mến	Hà Tĩnh	02/11/94	6.8	3.8	1.5	4.0	Không đạt
288	Trần Huỳnh Trà	Mi	Bình thuận	11/08/94	8.5	7.1	2.0	5.9	Không đạt
289	Nguyễn Văn	Minh		12/12/94	6.8	7.0	6.0	6.6	Đạt
290	Nguyễn Thị	Minh		20/06/93	6.3	6.8	3.0	5.3	Đạt
291	Trần Thị	Minh		21/03/92	8.0	6.8	1.1	5.3	Không đạt
292	Nguyễn Lê Thụ	Minh	TPHCM	15/01/93	9.0	9.8	9.4	9.4	Đạt
293	Nguyễn Châu ánh	Minh	TP Hồ Chí Minh	15/08/93	8.0	7.8	3.0	6.3	Đạt
294	Trần Thiện	Minh	Đồng Nai	29/05/93	9.0	4.0	2.0	5.0	Không đạt
295	Đinh Nhật	Minh		01/11/95	8.3	5.3	3.0	5.5	Đạt
296	Nguyễn Thị	Mộng	Hà Tĩnh	26/02/94	8.0	8.3	9.0	8.4	Đạt
297	Nguyễn Hoàng	Mót	Long An	13/03/93	7.8	8.9	5.5	7.4	Đạt
298	Trần Thị Tố	My	Bình Định	30/06/94	6.0	7.3	3.0	5.4	Đạt
299	Nguyễn Đức	Mỹ	Tp. HCM	15/10/91	9.5	6.0	3.0	6.2	Đạt
300	Võ Thị	Mỹ	Quảng Ngãi	07/10/93	6.3	3.9	6.4	5.5	Đạt
301	Lê Thị Chi	Na	Bình Định	15/09/93	8.0	7.0	7.0	7.3	Đạt
302	Trần Minh	Đại	Phú Yên	05/05/90	7.5	6.8	1.5	5.3	Không đạt
303	Tào Tiến	Đạt	TP. Hồ Chí Minh	28/02/93	8.3	9.8	7.0	8.3	Đạt
304	Đỗ Hoàng Tiến	Đạt	Vũng Tàu	15/08/93	8.0	6.8	3.5	6.1	Đạt
305	Nguyễn Hoàng	Đạt	Tiền Giang	07/11/95	9.0	7.8	10.0	8.9	Đạt
306	Bùi Nhật	Nam	Đồng Tháp	/ /93	8.0	4.3	5.5	5.9	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
307	Nguyễn Sơn	Nam	Gia Lai	10/04/93	9.8	5.3	4.5	6.5	Đạt
308	Hoàng Triệu	Nam		09/06/95	9.3	5.8	4.4	6.5	Đạt
309	Trần Thị Trang	Đài	Bình Dương	12/05/93	4.5	7.5	2.0	4.7	Không đạt
310	Đặng Thảo Hương	Nàn		19/06/93	6.3	7.0	3.0	5.4	Đạt
311	Nguyễn Thị Thanh	Đào		12/07/93	7.8	7.4	3.5	6.2	Đạt
312	Huỳnh Thị Anh	Đào		03/12/94	5.3	6.5	4.4	5.4	Đạt
313	Nguyễn Văn	Đến	Quảng Ngãi	19/07/92	9.3	7.8	2.0	6.3	Không đạt
314	Trần Thị	Nga	Đồng Nai	14/10/93	8.3	9.3	9.0	8.8	Đạt
315	Dương Hằng	Nga	Hải Dương	29/06/94	8.3	8.3	3.1	6.5	Đạt
316	Phạm Thị	Nga	Hưng Yên	11/08/94	8.5	8.3	8.0	8.3	Đạt
317	Lê Thúy	Nga		17/09/93	7.3	8.3	3.0	6.2	Đạt
318	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Đăk Lăk	09/12/94	8.3	7.3	5.5	7.0	Đạt
319	Lại Thị Bích	Ngân		21/07/94	8.3	8.5	5.5	7.4	Đạt
320	Hoàng Kim	Ngân	Đồng Nai	26/01/94	7.0	4.5	1.0	4.2	Không đạt
321	Dương Thị Thanh	Ngân		17/01/94	8.3	6.4	3.5	6.0	Đạt
322	Phan Thị Kim	Ngân	Tiền Giang	14/09/94	8.8	9.3	10.0	9.3	Đạt
323	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Đồng Nai	05/06/94	7.3	6.5	8.0	7.3	Đạt
324	Nguyễn Thị	Ngân		01/08/93	7.8	9.3	2.0	6.3	Không đạt
325	Huỳnh Huyền	Ngân	Tiền Giang	09/10/94	8.5	7.5	4.4	6.8	Đạt
326	Trần Thị Kim	Ngân	Gia Lai	15/09/93	8.3	7.5	5.0	6.9	Đạt
327	Lê Văn	Ngân	Long AN	20/10/93	6.9	5.5	1.0	4.5	Không đạt
328	Hoàng Văn	Nghi		01/05/92	7.8	3.8	0.5	4.0	Không đạt
329	Nông Trọng	Nghĩa	Cao Bằng	01/04/92	8.3	8.0	4.0	6.8	Đạt
330	Hà Trọng	Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	05/08/93	8.3	7.0	4.5	6.6	Đạt
331	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	An Giang	04/08/93	9.3	9.8	9.5	9.5	Đạt
332	Lê Văn	Nghĩa	Đak lak	29/04/93	9.3	8.8	5.0	7.7	Đạt
333	Nguyễn Thị Thùy	Ngoan	Quảng Ngãi	21/07/93	8.0	7.8	5.0	6.9	Đạt
334	Vũ Thị	Ngoãn	Lâm Đồng	05/06/94	0.0	6.8	9.0	5.3	Không đạt
335	Cao Thị Minh	Ngọc	Tp.HCM	13/11/94	8.3	6.0	3.5	5.9	Đạt
336	Trần Thị Tuyết	Ngọc	Bà Rịa-vũng Tàu	24/10/94	6.8	5.4	0.5	4.2	Không đạt
337	Trần Thị Bích	Ngọc	Tp. HCM	13/01/92	8.3	8.3	4.5	7.0	Đạt
338	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	TP.HCM	06/02/89	4.6	4.6	5.9	5.0	Đạt
339	Nguyễn Đỗ Linh Thà	Ngọc	Bình Thuận	31/10/94	8.0	7.9	3.0	6.3	Đạt
340	Từ Bảo	Ngọc	Bình Định	20/08/93	8.3	9.0	8.0	8.4	Đạt
341	Lê Thị Bích	Ngọc	Bình Thuận	26/01/92	5.4	8.0	3.1	5.5	Đạt
342	Trần Thị Yến	Ngọc	Đồng Tháp	15/12/93	8.3	6.0	4.5	6.3	Đạt
343	Nguyễn Thị	Ngọc	Đồng Nai	07/06/92	7.0	6.8	8.0	7.3	Đạt
344	Ngô Thị Hồng	Nguyên		16/09/94	8.3	7.3	1.5	5.7	Không đạt
345	Lê Thị Thảo	Nguyên		29/03/94	7.6	3.8	0.5	4.0	Không đạt
346	Trần Thị Thảo	Nguyên	Lâm Đồng	10/09/94	10.0	7.3	5.0	7.4	Đạt
347	Nguyễn Công	Nguyên		04/05/93	8.3	5.1	3.0	5.5	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
348	Võ Văn	Nguyên		11/08/91	7.1	6.4	3.0	5.5	Đạt
349	Lê Anh	Nguyên	Gia Lai	15/10/93	8.3	8.5	8.0	8.3	Đạt
350	Lê Thanh	Nguyên	Đồng Tháp	19/04/92	10.0	7.3	5.0	7.4	Đạt
351	Đinh Thái	Nguyên		07/11/94	8.3	8.8	4.9	7.3	Đạt
352	Đặng Thị	Nguyệt		15/10/93	6.3	6.5	10.0	7.6	Đạt
353	Nguyễn Hữu	Nhân		29/05/94	9.5	7.5	1.0	6.0	Không đạt
354	Phan Thanh	Nhân	Vĩnh Long	25/10/91	8.5	9.0	4.9	7.5	Đạt
355	Huỳnh Anh	Nhân	TP Hồ Chí Minh	14/12/93	8.0	6.8	4.0	6.3	Đạt
356	Mai Bảo	Nhân	Đồng Nai	26/05/93	10.0	7.1	7.0	8.0	Đạt
357	Đinh Thị	Nhài	Nam Định	24/04/93	8.3	2.3	1.0	3.8	Không đạt
358	Thái Thị Thanh	Nhàn	Tiền Giang	29/05/94	8.0	6.3	1.0	5.1	Không đạt
359	Lê Thanh	Nhàn	Đồng Tháp	30/11/94	4.0	7.5	4.9	5.5	Đạt
360	Lê Phương Uyển	Nhi	TP HCM	24/09/94	8.3	5.0	1.0	4.8	Không đạt
361	Ngô Thị Thảo	Nhi		07/02/94	3.5	7.5	3.0	4.7	Không đạt
362	Phạm Thị Thúy	Nhi		03/01/94	6.8	8.3	8.5	7.8	Đạt
363	Nguyễn Thị Phương	Nho	Bình Định	10/06/93	7.8	3.8	1.4	4.3	Không đạt
364	Trần Kim	Như		02/09/96	7.1	7.3	6.5	7.0	Đạt
365	Phan Thị Quỳnh	Như	Đồng Tháp	29/09/93	8.8	8.5	8.5	8.6	Đạt
366	Lê Thảo	Như	Vĩnh Long	14/05/94	9.3	7.5	4.0	6.9	Đạt
367	Trần Thị Hải	Nhung		16/08/94	4.3	5.3	1.5	3.7	Không đạt
368	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Tiền Giang	08/01/94	7.8	8.5	1.0	5.8	Không đạt
369	Lại Thị Ngọc	Nhung	Đồng Nai	11/04/92	2.0	4.8	1.0	2.6	Không đạt
370	Lê Thị Mỹ	Nhung	Bình Định	09/12/93	2.5	7.0	1.5	3.7	Không đạt
371	Trần Thị Mỹ	Nhung	Bình Định	20/03/94	4.3	5.0	1.9	3.7	Không đạt
372	Trần Hồng	Nhung		07/05/93	4.0	6.6	4.4	5.0	Đạt
373	Nguyễn Thị	Nhung	Hà Tĩnh	23/02/94	4.5	8.0	0.5	4.3	Không đạt
374	Nguyễn Thị	Nhung	Long An	28/03/93	5.3	7.0	3.0	5.1	Đạt
375	Phan Thị Hồng	Nhung		26/01/94	8.3	8.0	5.5	7.3	Đạt
376	Mai Thị Tuyết	Nhung		19/07/91	2.0	8.8	3.0	4.6	Không đạt
377	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Tây Ninh	14/02/93	5.3	8.3	3.5	5.7	Đạt
378	Nguyễn Duy	Đoan	Quảng Ngãi	05/03/87	8.9	5.0	3.0	5.6	Đạt
379	Nguyễn Phúc	Định	Phú Yên	28/02/93	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt
380	Phan Văn	Đường		27/03/92	6.5	9.0	4.0	6.5	Đạt
381	Lê Bá Trọng	Đức	Đồng Nai	15/09/92	9.3	2.8	2.0	4.7	Không đạt
382	Nguyễn Văn	Đức	Đồng Nai	25/10/94	10.0	7.8	8.0	8.6	Đạt
383	Ngô Lộc Trường	Đức		06/09/95	9.3	8.5	0.5	6.1	Không đạt
384	Tô Yến	Oanh	Cà Mau	19/05/93	7.8	7.0	9.0	7.9	Đạt
385	Bùi Thị	Oanh	Thanh Hoá	22/05/94	4.5	7.5	4.0	5.3	Đạt
386	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Bỉnh Định	17/10/94	5.0	8.0	8.4	7.1	Đạt
387	Đào Thị Hoàng	Oanh	TP. Hồ Chí Minh	10/05/93	4.5	7.5	5.9	6.0	Đạt
388	Phan Thị Kim	Oanh		13/05/93	8.3	6.3	3.5	6.0	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
389	Cao Thị Kim	Oanh	Đồng Nai	16/12/89	4.9	7.1	3.0	5.0	Đạt
390	Dương Thị Kiều	Oanh		27/10/93	7.0	7.5	3.5	6.0	Đạt
391	Nguyễn Hoàng	Oanh	Bình Định	07/04/93	9.3	6.3	3.5	6.3	Đạt
392	Trần Trí	Ưu	Bình Đinh	20/10/92	8.3	4.8	2.0	5.0	Không đạt
393	Hà Tấn	Phanh	Dăk Lăk	20/04/93	6.8	8.8	1.0	5.5	Không đạt
394	Đỗ Thị Hồng	Phã	Long An	06/07/94	4.5	9.0	1.0	4.8	Không đạt
395	Trương Quang	Phát	Quảng Ngãi	20/04/93	8.3	8.5	6.4	7.7	Đạt
396	Đặng Công	Phong	Thái Bình	26/02/92	4.0	4.8	2.0	3.6	Không đạt
397	Huỳnh Minh	Phong	Tiền Giang	09/05/93	6.3	5.8	3.0	5.0	Đạt
398	Hồ Tấn	Phong	Khánh Hoà	31/01/92	7.3	7.3	7.0	7.2	Đạt
399	Phan Đăng	Phong		02/02/94	6.8	5.8	0.5	4.3	Không đạt
400	Châu Xuân	Phong	Long An	22/07/92	7.5	8.3	8.0	7.9	Đạt
401	Nguyễn Thanh	Phong	Tp. HCM	16/07/93	8.8	8.8	3.0	6.8	Đạt
402	Nguyễn Thị	Phượng	Tiền Giang	25/06/94	5.3	8.6	9.0	7.6	Đạt
403	Triệu Thị Mỹ	Phượng		01/10/93	2.0	4.8	0.5	2.4	Không đạt
404	Huỳnh Thị Như	Phượng	Bình Định	06/12/94	7.3	8.5	4.5	6.8	Đạt
405	Đặng Thị	Phượng		12/03/94	8.0	9.0	5.0	7.3	Đạt
406	Lương Thị	Phương	Nam Định	03/11/94	6.4	7.3	2.8	5.5	Không đạt
407	Phan Thị Mai	Phương		21/11/94	8.3	8.8	7.9	8.3	Đạt
408	Trần Thị Huệ	Phương		20/07/94	8.3	10.0	7.0	8.4	Đạt
409	Nguyễn Thị Mai	Phương		02/05/94	7.0	6.0	3.0	5.3	Đạt
410	Nguyễn Văn	Phương		11/07/93	4.8	6.3	0.5	3.8	Không đạt
411	Trần Thị Ngọc	Phương	Kiên Giang	10/03/93	7.8	7.8	1.5	5.7	Không đạt
412	Mai Trị	Phương		28/04/93	7.1	6.8	3.0	5.6	Đạt
413	Bùi Thị	Phương		22/05/94	5.5	9.0	3.0	5.8	Đạt
414	Ngô Thị	Phương	Quảng Ngãi	08/07/93	6.0	8.0	2.0	5.3	Không đạt
415	Nguyễn Thị	Phước		10/04/94	4.9	7.0	4.0	5.3	Đạt
416	Phạm Hữu	Phước	Bến Tre	06/08/92	6.5	6.3	4.5	5.8	Đạt
417	Nguyễn Hữu	Phước		05/02/95	7.3	5.3	3.0	5.2	Đạt
418	Mai Thị Kim	Phụng	Tiền Giang	19/08/94	6.3	8.3	7.5	7.3	Đạt
419	Nguyễn Hoàng Minh	Phụng	Tiền Giang	13/09/93	8.3	10.0	8.5	8.9	Đạt
420	Huỳnh Thị Kim	Phụng	Bình Định	25/01/94	7.8	9.3	5.0	7.3	Đạt
421	Lê Bá	Phú		21/07/94	9.0	6.5	1.0	5.5	Không đạt
422	Nguyễn Tấn	Phú	Bình Phước	18/07/94	5.8	9.3	0.5	5.2	Không đạt
423	Quách Đại Hồng	Phúc	Hòa Bình	26/04/93	4.5	9.0	0.5	4.7	Không đạt
424	Huỳnh Văn	Phúc		06/04/95	6.8	5.5	3.0	5.1	Đạt
425	Hoàng Xuân	Phúc		14/03/93	6.8	9.5	7.0	7.8	Đạt
426	Danh Quốc	Phúc		05/11/92	6.5	3.3	1.0	3.6	Không đạt
427	Võ Minh	Quân	Mỹ Tho	26/10/94	6.3	9.5	7.0	7.6	Đạt
428	Nguyễn Đăng	Quang	Đồng Tháp	18/05/90	5.3	6.6	3.0	5.0	Đạt
429	Nguyễn Đình	Quang	TP HCM	24/11/93	6.8	9.5	8.0	8.1	Đạt
430	Trần Thanh	Qui		17/01/93	7.3	6.3	2.0	5.2	Không đạt
431	An Đỗ Bình	Quí		28/06/93	7.5	7.5	7.0	7.3	Đạt
432	Ngô Phú	Quí	Quảng Nam	21/07/93	6.3	7.0	9.4	7.5	Đạt
433	Nguyễn Phú	Quí		15/01/92	5.8	8.5	1.5	5.3	Không đạt
434	Nguyễn Thế	Quyền	Bình Phước	04/01/88	7.9	7.0	3.5	6.1	Đạt
435	Hoàng Thị Tố	Quyên	Long An	02/04/93	5.5	8.3	3.0	5.6	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
436	Dương Ngọc Thanh	Quyên	An Giang	16/12/93	7.5	7.3	5.4	6.7	Đạt
437	Phạm Thị Hồng	Quyên		30/01/94	2.5	8.0	1.4	4.0	Không đạt
438	Lại Cao	Quyết	Thái Bình	25/02/93	4.3	6.8	3.0	4.7	Không đạt
439	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		28/10/95	3.0	5.0	1.0	3.0	Không đạt
440	Hồ Như	Quỳnh		20/12/94	6.5	8.5	5.4	6.8	Đạt
441	Đoàn Ngọc Trúc	Quỳnh	TP Hồ Chí Minh	13/04/93	0.0	7.0	5.0	4.0	Không đạt
442	Lê Ngọc Phương	Quỳnh	Đồng Nai	09/12/94	8.3	9.0	2.0	6.4	Không đạt
443	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Bình Đinh	10/01/93	6.5	8.0	1.5	5.3	Không đạt
444	Dương Phước Phú	Quý	Đà Nẵng	22/10/93	7.8	5.0	5.9	6.2	Đạt
445	Huỳnh Thị Kim	Quý	Khánh Hoà	20/01/92	6.3	8.0	5.0	6.4	Đạt
446	Nguyễn Ngọc	Quý	Tiền Giang	24/08/93	7.3	9.3	2.0	6.2	Không đạt
447	Quách Cao	Quý	Đồng Nai	01/08/92	5.8	9.3	8.5	7.8	Đạt
448	Chau Chanh	Ra		20/05/88	7.5	4.3	4.0	5.3	Đạt
449	Tạ Triệu Hà	Riên		30/10/93	7.3	9.8	3.0	6.7	Đạt
450	Đỗ Duy	Sang	Gia Lai	11/04/94	9.0	8.8	4.5	7.4	Đạt
451	Trần Thanh	Sang		08/05/94	7.3	9.3	4.0	6.8	Đạt
452	Nguyễn Thanh	Sang	Bình Dương	16/12/92	8.5	8.8	7.5	8.3	Đạt
453	Hồ Thị	Sen		03/05/94	6.3	6.8	7.4	6.8	Đạt
454	Nguyễn Thị Tuyết	Sen	Bình Định	30/12/93	6.3	6.6	2.0	5.0	Không đạt
455	Nguyễn Thị Hồng	Son	Nghệ An	12/03/93	6.8	7.0	4.0	5.9	Đạt
456	Vi Văn	Sơn	Thái Nguyên	20/09/94	8.5	6.0	6.5	7.0	Đạt
457	Đinh Đặng Hoàng	Sơn		29/09/93	8.3	6.8	4.9	6.6	Đạt
458	Trần Ngọc	Sơn		26/11/92	8.3	9.0	10.0	9.1	Đạt
459	Nguyễn Ngọc	Sơn	Quảng Ngãi	12/06/94	5.5	9.3	8.5	7.8	Đạt
460	Nguyễn Đình	Sơn	Lâm Đồng	18/11/93	8.8	8.5	3.5	6.9	Đạt
461	Nguyễn Ngọc	Sơn		20/06/94	7.3	5.0	0.5	4.3	Không đạt
462	Nguyễn Ngọc	Sơn	Gia Lai	01/11/94	7.5	8.0	6.4	7.3	Đạt
463	Phạm Hoài	Sơn	Đồng Nai	02/09/94	9.5	8.8	9.0	9.1	Đạt
464	Nguyễn Hoàng	Sơn	Tiền Giang	20/11/93	5.0	8.6	3.0	5.5	Đạt
465	Vũ Thị	Song		23/04/93	6.9	5.5	3.0	5.1	Đạt
466	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		13/03/91	6.0	9.3	4.9	6.7	Đạt
467	Lê Thị Linh	Tâm		04/04/94	6.3	9.3	6.5	7.3	Đạt
468	Bùi Thanh	Tâm		15/08/93	4.0	9.3	6.0	6.4	Đạt
469	Nguyễn Thanh	Tâm	Đăk Lăk	03/08/92	6.5	6.5	4.4	5.8	Đạt
470	Lương Thành	Tâm	Tiền Giang	06/09/93	7.3	9.0	5.0	7.1	Đạt
471	Võ Thành	Tâm		05/05/94	6.5	9.0	3.5	6.3	Đạt
472	Ngô Băng	Tâm		10/06/94	6.0	3.5	0.5	3.3	Không đạt
473	Trần Đình	Tâm		21/11/94	7.3	9.3	3.5	6.7	Đạt
474	Nguyễn Thanh	Tâm		27/01/93	6.0	7.5	9.5	7.7	Đạt
475	Trần Minh	Tâm		10/06/94	7.5	9.5	1.0	6.0	Không đạt
476	Nguyễn Lê Ngọc	Tâm		08/06/94	8.3	9.5	8.5	8.8	Đạt
477	Trần Thị	Tân	Nghệ An	23/03/93	5.5	8.3	3.0	5.6	Đạt
478	Trần Ngọc	Tân	Bình Thuận	21/03/91	4.5	5.5	0.5	3.5	Không đạt
479	Nguyễn Văn	Tân	Quảng Ngãi	20/10/93	7.5	6.8	9.0	7.8	Đạt
480	Dương Nguyễn Khánh	Tân	Tiền Giang	13/05/93	8.3	6.8	4.0	6.3	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
481	Võ Thị	Tạo	Hà Tĩnh	10/01/93	4.3	7.5	4.5	5.4	Đạt
482	Lê Thanh	Tài	Tp.Hồ Chí Minh	14/05/93	6.3	8.5	2.0	5.6	Không đạt
483	Lê Ngọc	Thẩm	Long An	16/10/93	8.3	9.5	3.5	7.1	Đạt
484	Nguyễn Thị	Thắm	Hà Tĩnh	12/07/93	5.4	5.0	3.1	4.5	Không đạt
485	Bùi Thị Hồng	Thắm	Quảng Trị	14/07/93	6.0	9.5	2.0	5.8	Không đạt
486	Nguyễn Văn	Thắng		16/08/92	8.3	8.8	7.5	8.2	Đạt
487	Khưu Xuân	Thạch		10/08/94	9.8	7.8	7.5	8.3	Đạt
488	Đinh Bá	Thanh	Đồng Nai	24/09/93	8.0	9.0	5.5	7.5	Đạt
489	Nguyễn Thị út	Thanh	Đồng Nai	15/02/93	10.0	8.0	4.0	7.3	Đạt
490	Tô Hồng	Thanh	Bình Phước	10/03/94	6.0	8.0	4.0	6.0	Đạt
491	Trần Thị Kim	Thanh	Đồng Nai	09/11/93	4.3	5.8	1.5	3.8	Không đạt
492	Nguyễn Thị	Thao	Phú Yên	15/02/94	6.8	4.8	4.1	5.2	Đạt
493	Lê Hoàng Anh	Thao	Vũng Tàu	05/10/94	8.5	8.3	6.5	7.8	Đạt
494	Phạm Văn	Thành	Lâm Đồng	14/10/93	9.3	7.3	3.0	6.5	Đạt
495	Trương Viết	Thành	Quảng Bình	28/01/94	8.0	7.5	6.5	7.3	Đạt
496	Lê Văn	Thành	Bình Định	03/04/93	8.3	4.5	1.0	4.6	Không đạt
497	Trần Thị Kim	Thành	Bà Rịa-Vũng Tàu	10/01/94	2.3	6.0	1.5	3.3	Không đạt
498	Đỗ Hoàng Nhật	Thành	Khánh Hoà	20/10/94	8.0	5.5	4.0	5.8	Đạt
499	Nguyễn Tấn	Thành	Đồng Nai	04/12/92	7.6	6.3	8.0	7.3	Đạt
500	Nguyễn Thị Kim	Thái	Quảng Ngãi	27/07/93	9.8	8.0	10.0	9.3	Đạt
501	Đào Duy	Thái		04/10/94	9.8	6.5	6.0	7.4	Đạt
502	Lê Quốc	Thái	Bình Định	08/09/93	9.5	9.5	10.0	9.7	Đạt
503	Nguyễn Hoàng	Thái		12/09/93	8.3	8.3	7.0	7.8	Đạt
504	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	TP. HCM	12/11/94	10.0	10.0	8.5	9.5	Đạt
505	Nguyễn Thị Kim	Thảo	Bà Rịa Vũng Tàu	10/10/94	8.5	9.5	5.6	7.9	Đạt
506	Tạ Thu	Thảo	An Giang	29/05/93	7.6	8.5	6.0	7.4	Đạt
507	Lê Thị Hồng	Thảo	Bình Thuận	30/06/94	3.0	3.0	1.0	2.3	Không đạt
508	Lê Thị Thu	Thảo	Quảng Ngãi	20/12/93	8.9	8.8	2.0	6.5	Không đạt
509	Trương Thị Thu	Thảo	Long An	/08/92	8.0	7.5	4.5	6.7	Đạt
510	Lê Thị Thu	Thảo	Tiền Giang	22/05/94	10.0	7.3	2.0	6.4	Không đạt
511	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Đồng Nai	10/09/93	10.0	9.5	10.0	9.8	Đạt
512	Trần Thị	Thảo	Kon Tum	10/05/93	5.8	8.0	4.0	5.9	Đạt
513	Nguyễn Thị Bích	Thảo		08/04/93	8.3	8.5	5.0	7.3	Đạt
514	Nguyễn Hoàng Thanh	Thảo	Bình Dương	27/05/93	8.0	8.5	3.5	6.7	Đạt
515	Phạm Thị Phương	Thảo	Vũng Tàu	12/12/93	8.0	9.0	5.5	7.5	Đạt
516	Nguyễn Thị Ngọc	Thi		20/10/94	9.8	8.5	9.0	9.1	Đạt
517	Lê Công Minh	Thi		16/03/91	8.0	5.3	3.0	5.4	Đạt
518	Lê Ngọc	Thích		02/01/93	8.0	5.3	3.0	5.4	Đạt
519	Nguyễn Thị	Thiện		03/01/92	7.1	6.8	4.0	6.0	Đạt
520	Lê Công Thánh	Thiện	Kiên Giang	26/07/94	9.8	7.8	7.0	8.2	Đạt
521	Lê Quý	Thiệu		10/08/93	9.8	8.0	9.0	8.9	Đạt
522	Lê Thị Anh	Thư	Bình Phước	12/07/93	8.9	7.8	7.0	7.9	Đạt
523	Nguyễn Thị Anh	Thư	Đồng Nai	27/05/94	7.6	6.5	7.0	7.0	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
524	Lê Anh	Thư	Bến Tre	30/03/93	9.5	9.8	10.0	9.8	Đạt
525	Trần Đào Thanh	Thư	Bình Định	12/02/94	7.9	5.8	1.5	5.0	Không đạt
526	Trần Văn	Thoa		10/04/93	2.0	7.3	2.0	3.8	Không đạt
527	Võ Thị Thu	Thoa	Quảng Ngãi	03/10/94	9.8	7.8	9.0	8.8	Đạt
528	Lê Đình	Thọ		20/10/94	6.3	8.5	8.0	7.6	Đạt
529	Nguyễn Tiến	Thịnh		30/12/92	9.8	6.8	7.5	8.0	Đạt
530	Hồ Quốc	Thịnh	Đà Nẵng	01/11/94	8.3	8.3	8.5	8.3	Đạt
531	Lê Sỹ	Thịnh	Nghệ An	16/08/92	8.8	8.0	6.5	7.8	Đạt
532	Hoàng Thị Thu	Thương	Bình Phước	24/05/94	4.5	7.3	3.0	4.9	Không đạt
533	Nguyễn Thị Tình	Thương	Bình Định	19/06/93	8.3	9.0	3.0	6.8	Đạt
534	Hồ Thị	Thương	Hà Tĩnh	26/12/94	5.9	5.3	2.0	4.4	Không đạt
535	Trần Thị Hoài	Thương		29/06/92	5.5	5.9	3.5	5.0	Đạt
536	Ngô Thị	Thương	Nghệ An	07/04/92	8.9	8.3	0.5	5.9	Không đạt
537	Cao Hoài	Thương	Bình Định	08/07/93	8.5	6.5	4.1	6.4	Đạt
538	Huỳnh Hoài	Thu		19/04/94	10.0	6.5	5.5	7.3	Đạt
539	Nguyễn Thị	Thu	Bà Rịa Vũng Tàu	08/08/94	5.0	6.3	8.0	6.4	Đạt
540	Lê Thị Kim	Thu		01/10/93	2.0	8.5	3.0	4.5	Không đạt
541	Phạm Thị Diệu	Thu	Long An	20/04/93	8.9	8.5	5.0	7.5	Đạt
542	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Đồng Tháp	20/10/93	7.4	8.3	8.5	8.0	Đạt
543	Nguyễn Thị	Thuận		10/01/94	8.0	7.6	2.0	5.9	Không đạt
544	Đinh Thị	Thuên		15/01/92	6.8	4.5	1.0	4.1	Không đạt
545	Ngô Thị Hồng Mộng	Thúy	Tp.HCM	15/05/94	6.8	6.3	1.0	4.7	Không đạt
546	Nguyễn Thị	Thúy	Nghệ An	28/01/94	10.0	8.3	9.5	9.3	Đạt
547	Đoàn Thị	Thúy	Đà Nẵng	14/12/93	5.8	9.5	10.0	8.4	Đạt
548	Cao Thị	Thúy		24/08/94	4.3	5.0	3.0	4.1	Không đạt
549	Ngô Thị	Thúy	Bình Định	12/05/94	7.6	8.5	8.0	8.0	Đạt
550	Nguyễn Thị Như	Thủy		25/03/95	2.0	7.0	4.5	4.5	Không đạt
551	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Đồng Nai	13/10/93	9.3	8.5	9.0	8.9	Đạt
552	Phạm Thị	Thủy		17/07/93	7.0	6.5	1.0	4.8	Không đạt
553	Trần Thị Thu	Thủy	TP. Hồ Chí Minh	01/02/92	8.8	10.0	10.0	9.6	Đạt
554	Trương Thị Thanh	Thủy		08/07/93	1.5	7.0	0.5	3.0	Không đạt
555	Vũ Thị	Thủy	Nghệ An	08/10/92	4.0	8.3	9.5	7.3	Đạt
556	Lê Thị	Thuý	Thanh Hóa	15/10/94	7.8	5.8	3.0	5.5	Đạt
557	Mai Thị Thu	Thuỷ	Quảng Ngãi	01/06/94	8.0	7.5	7.0	7.5	Đạt
558	Cao Lê Hoàng	Thy	Bến Tre	05/05/93	4.3	8.3	3.5	5.3	Đạt
559	Nguyễn Thị Minh	Thy	TP HCM	25/04/89	8.3	7.5	9.0	8.3	Đạt
560	Nguyễn Tường	Thy		06/12/94	9.5	8.3	5.5	7.8	Đạt
561	Phạm Ngọc	Tiến	Gia Lai	30/11/92	9.8	7.5	3.0	6.8	Đạt
562	Vũ Đăng	Tiến	Bình Thuận	24/04/92	2.3	4.3	1.5	2.7	Không đạt
563	Bùi Văn	Tiến		01/01/93	9.5	5.8	4.5	6.6	Đạt
564	Phạm Giang Thủy	Tiên	Đồng Nai	01/10/93	8.0	8.8	9.0	8.6	Đạt
565	Đào Thị Thủy	Tiên	Quảng Ngãi	03/05/95	4.1	7.5	3.0	4.9	Không đạt
566	Huỳnh Thị	Tiên	Quảng Nam	10/07/93	2.0	6.1	3.0	3.7	Không đạt
567	Nguyễn Trần Thủy	Tiên		11/05/93	9.8	7.3	4.0	7.0	Đạt
568	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Bình Phước	05/10/93	5.3	5.8	6.0	5.7	Đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
569	Võ Mạnh	Tính		28/07/94	8.5	9.0	5.0	7.5	Đạt
570	Huỳnh Văn	Tính	Bình Định	19/05/94	6.5	7.3	5.5	6.4	Đạt
571	Nguyễn Thanh	Tình	Tiền Giang	24/10/93	8.3	9.3	6.0	7.8	Đạt
572	Lê Thị	Tình	Thanh Hóa	04/10/94	10.0	10.0	10.0	10.0	Đạt
573	Võ Quốc	Toàn		19/09/93	9.3	6.5	5.0	6.9	Đạt
574	Lê Thành	Tới	Bến TRe	19/07/93	10.0	2.0	4.0	5.3	Không đạt
575	Lê Thanh	Trâm	Gia Lai	02/08/92	4.0	6.0	7.0	5.7	Đạt
576	Trần Thị Bích	Trâm	Đồng Nai	27/12/94	9.0	9.8	9.0	9.3	Đạt
577	Võ Thị Ngọc	Trâm	Tây Ninh	24/04/94	9.0	8.3	10.0	9.1	Đạt
578	Trần Hoàng Phương	Trâm	Tp.HCM	14/08/94	7.8	8.0	3.0	6.3	Đạt
579	Lê Huỳnh Ngọc	Trâm	Sông Bé	22/05/94	8.3	8.0	2.0	6.1	Không đạt
580	Trần Ngọc Bảo	Trâm		09/05/94	8.3	3.3	1.5	4.3	Không đạt
581	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Bến Tre	22/03/94	2.0	8.0	5.0	5.0	Không đạt
582	Tạ Thị Ngọc	Trâm	TP.HCM	20/08/93	8.0	6.3	3.0	5.8	Đạt
583	Nguyễn Thị Thúy	Trâm		23/09/94	4.5	7.5	5.4	5.8	Đạt
584	Nguyễn Phan Thị Bả	Trân	Vũng Tàu	06/09/94	6.0	7.8	8.5	7.4	Đạt
585	Phan Thị Bảo	Trân	Vĩnh Long	20/11/93	4.3	8.0	3.5	5.3	Đạt
586	Nguyễn Bảo	Trân	Đồng Nai	28/09/93	8.3	9.0	9.0	8.8	Đạt
587	Trần Bảo	Trân	Bạc Liêu	02/09/94	9.3	8.3	9.5	9.0	Đạt
588	Cao Thị Bửu	Trân	Trà Vinh	30/07/93	7.3	4.1	5.0	5.5	Đạt
589	Lê Thị Đài	Trang		15/10/95	6.8	4.8	3.5	5.0	Đạt
590	Lê Thị	Trang		10/09/94	8.3	8.5	3.0	6.6	Đạt
591	Đỗ Thị Thảo	Trang		08/10/93	6.0	6.5	6.5	6.3	Đạt
592	Thái Hồng Xuân	Trang	Tp.Hồ Chí Minh	26/05/93	5.0	8.4	3.5	5.6	Đạt
593	Nguyễn Thị Thùy	Trang		08/06/94	9.3	8.5	7.0	8.3	Đạt
594	Lê Ngọc Phương	Trang	Đồng Nai	10/06/94	10.0	7.3	10.0	9.1	Đạt
595	Huỳnh Thị Quỳnh	Trang	Bình Định	21/06/93	8.3	9.5	4.1	7.3	Đạt
596	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Hải Dương	05/06/93	10.0	9.3	7.0	8.8	Đạt
597	Lê Thị Thùy	Trang	Đồng Nai	19/11/93	7.6	8.5	5.5	7.2	Đạt
598	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Bình Định	07/12/95	9.0	9.3	3.0	7.1	Đạt
599	Nguyễn Thị Thu	Trang	Đồng Tháp	29/07/93	8.4	8.3	3.0	6.5	Đạt
600	Trần Thị Hương	Trà	Nghệ An	21/03/93	6.3	7.0	3.5	5.6	Đạt
601	Lê Minh	Trí	TÂy Ninh	17/04/93	5.5	5.5	5.5	5.5	Đạt
602	Nguyễn Minh	Triết	TPHCM	09/01/93	5.0	5.6	4.5	5.0	Đạt
603	Võ Minh	Triết	Đồng Nai	02/10/93	7.6	4.4	2.0	4.7	Không đạt
604	Cao Thị	Triều		28/01/94	7.0	5.8	1.0	4.6	Không đạt
605	Nguyễn Thị Đoan	Trinh	An Giang	04/09/93	7.0	8.4	4.5	6.6	Đạt
606	Nguyễn Thị Thùy	Trinh		28/10/93	7.3	8.5	4.0	6.6	Đạt
607	Nguyễn Thái T Diễm	Trinh		06/06/93	3.9	7.1	1.5	4.2	Không đạt
608	Phạm Hiếu	Trọng	Bạc Liêu	28/08/94	9.0	7.4	3.5	6.6	Đạt
609	Đào Vũ	Trường	Lâm Đồng	10/08/94	8.0	8.9	5.9	7.6	Đạt
610	Nguyễn Hoàng	Trung	Đồng Nai	24/04/93	10.0	8.0	8.0	8.7	Đạt
611	Hồ Chí	Trung	Bạc Liêu	19/06/93	7.3	5.0	4.5	5.6	Đạt
612	Nguyễn Lại Thanh	Trúc	Tp. HCM	19/07/92	9.0	7.5	4.5	7.0	Đạt
613	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		10/08/93	5.5	7.0	4.5	5.7	Đạt
614	Nguyễn Thanh	Truyền		01/01/93	3.0	6.1	3.0	4.0	Không đạt

Stt	Họ	Tên	Nơi sinh	Ngày sinh	Win	Word	Ex	Điểm	Kết quả
615	Phan Ngọc	Tuấn		19/09/94	7.5	7.5	7.5	7.5	Đạt
616	Trần Minh	Tuấn		20/03/93	8.0	8.3	7.0	7.8	Đạt
617	Lưu Minh	Tuấn	Bình Dương	05/04/93	9.0	8.6	3.5	7.0	Đạt
618	Trần Quốc	Tuấn		03/09/94	5.3	6.8	6.0	6.0	Đạt
619	Đặng Quốc	Tuấn	Tây Ninh	29/07/94	10.0	9.4	9.5	9.6	Đạt
620	Nguyễn Minh	Tuấn	Hà Tĩnh	20/02/91	9.5	7.1	8.5	8.4	Đạt
621	Võ Thị Thanh	Tùng	Đồng Nai	17/12/94	9.5	9.8	9.0	9.4	Đạt
622	Trần Văn	Tú	Bắc Ninh	26/07/91	7.8	8.0	8.5	8.1	Đạt
623	Vỏ Cẩm	Tú	Sóc Trăng	29/12/95	5.6	4.6	1.5	3.9	Không đạt
624	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền		15/02/94	8.3	9.1	5.5	7.6	Đạt
625	Mạc Thị Thu	Tuyền		02/02/94	8.3	7.5	5.9	7.2	Đạt
626	Lều Thị	Tuyền	Hải Hưng	25/10/93	9.5	7.0	3.0	6.5	Đạt
627	Trần Thị Thu	Tuyền	TP.HCM	09/02/94	9.5	9.3	5.5	8.1	Đạt
628	Phạm Ngọc	Tuyền	TIền Giang	20/01/93	8.1	7.6	4.0	6.6	Đạt
629	Nguyễn Thị ánh	Tuyết		15/10/94	6.0	6.3	4.5	5.6	Đạt
630	Hồ Thị Minh	Tuyết		10/07/93	6.5	5.1	0.5	4.0	Không đạt
631	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	Sóc Trăng	12/09/93	9.0	9.8	4.0	7.6	Đạt
632	Hồ Thị Thảo	Uyên	Tp. HCM	26/04/93	8.0	9.3	3.0	6.8	Đạt
633	Đinh Phạm Thanh	Vân	TP Hồ Chí Minh	23/11/93	7.8	4.5	1.5	4.6	Không đạt
634	Trần Thị Bích	Vân		20/10/92	7.8	8.0	2.1	6.0	Không đạt
635	Nguyễn Thị Thanh	Vân		06/01/92	8.8	5.5	1.3	5.2	Không đạt
636	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	Bình Định	01/10/94	8.4	7.8	3.0	6.4	Đạt
637	Lê Thị Hồng	Vân		01/05/94	8.3	5.5	3.0	5.6	Đạt
638	An Thị Thảo	Vi	Kon Tum	20/10/94	7.8	8.0	5.5	7.1	Đạt
639	Kiều Vũ Thúy	Vi	Quảng Ngãi	19/11/94	5.0	8.5	9.5	7.7	Đạt
640	Nguyễn Thị Thúy	Vi	Bình Định	01/01/94	7.3	8.8	3.0	6.3	Đạt
641	Phan Xuân	Vi		23/11/90	4.3	6.1	1.5	4.0	Không đạt
642	Nguyễn Quang	Vinh		05/12/94	9.0	8.4	6.0	7.8	Đạt
643	Nguyễn Thị	Vương	Phú yên	22/05/94	5.5	7.0	3.0	5.2	Đạt
644	Nguyễn Văn	Vui		01/09/96	8.0	5.0	6.0	6.3	Đạt
645	Đinh Hoàng	Vũ	Đồng Nai	01/01/94	6.3	7.0	5.0	6.1	Đạt
646	Nguyễn Văn	Vũ		20/03/94	8.3	8.3	1.5	6.0	Không đạt
647	Phan Ngọc	Vy	Sông Bé	20/10/94	7.8	9.5	7.9	8.4	Đạt
648	Trần Thị Thanh	Vy	TP Hồ Chí Minh	28/12/93	6.3	6.1	1.0	4.5	Không đạt
649	Phạm Lê Thúy	Vy	Bình Định	10/04/94	3.0	6.1	1.0	3.4	Không đạt
650	Trương Thị Mỹ	Xuân	Tiền Giang	02/06/94	7.9	7.5	7.0	7.5	Đạt
651	Nguyễn Thị Hải	Yến	Bình Phước	14/09/93	6.1	6.9	3.0	5.3	Đạt
652	Lê Hoàng	Yến	Tp. HCM	14/10/93	7.8	9.6	10.0	9.1	Đạt
653	Ngô Thị Hải	Yến		20/08/90	7.3	6.3	2.0	5.2	Không đạt
654	Mai Bình	Yên	Bến Tre	07/05/94	5.4	6.6	3.0	5.0	Đạt
655	Bùi Như	ý	Bến Tre	21/01/93	8.5	8.3	5.0	7.3	Đạt
656	Nguyễn Như	ý	Bạc Liêu	01/03/92	7.8	6.5	1.3	5.2	Không đạt

*

*

*